

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN LUẬT CÔNG NGHIỆP
QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP**
(*Tài liệu dành cho Báo cáo viên pháp luật
các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên*)

Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (CNQP, AN và ĐVCN) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Luật có những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Cơ sở thực tiễn

Qua tổng kết thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp, Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng và tổng kết quá trình xây dựng, phát triển CNAN trên phạm vi toàn quốc cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được còn một số vướng mắc, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình hiện nay như:

- Thứ nhất, việc thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về CNQP và ĐVCN của Bộ Quốc phòng chưa phát huy tối đa hiệu lực, hiệu quả; chưa xây dựng được cơ chế, chính sách đặc thù ưu tiên nguồn lực cho xây dựng và phát triển CNQP; chưa có chính sách hiệu quả để thúc đẩy khoa học và công nghệ trở thành động lực cho phát triển CNQP; chưa có cơ chế phát huy vai trò chủ lực của các cơ sở CNQP nòng cốt để kết hợp chặt chẽ với công nghiệp dân sinh trong ĐVCN; chưa khai thác thế mạnh của từng vùng, từng địa phương để thực hiện ĐVCN gắn với thế bố trí tác chiến chiến lược và khu vực phòng thủ; sản phẩm quốc phòng xuất khẩu, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của nhiều doanh nghiệp CNQP còn hạn chế.

- Thứ hai, việc thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về CNAN của Bộ Công an chưa tập trung; thẩm quyền, trách nhiệm, phân cấp, phân quyền trong xây dựng, phát triển CNAN chưa đồng bộ, kịp thời và hiệu quả. Hệ thống cơ sở CNAN chủ yếu là đơn vị sự nghiệp công lập lại bố trí phân tán, chưa hình thành hệ thống độc lập.

- Thứ ba, kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư cho CNAN còn hạn hẹp; việc huy động các nguồn lực để đầu tư cho CNAN có nhiều hạn chế; nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ còn thấp.

2. Cơ sở chính trị - pháp lý

- Tại Nghị quyết Đại hội VII của Đảng xác định “*Xây dựng CNQP phù hợp với khả năng của nền kinh tế, làm nòng cốt cùng các ngành công nghiệp dân dụng bảo đảm nhiệm vụ sửa chữa, phục hồi và sản xuất một phần trang bị, đáp ứng yêu cầu ĐVCN khi tình thế đòi hỏi*”.

- Nghị quyết Đại hội XI, XII, nhất là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng định hướng “*Xây dựng, phát triển CNQP, CNAN hiện đại, lưỡng dụng vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội; có cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội cho xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh tại các khu vực phòng thủ*”.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định: “*Phát triển CNQP, CNAN theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, tự lực, tự cường, liên kết chặt chẽ với công nghiệp dân sinh, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia*”; đồng thời, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 nhấn mạnh “*Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù*”, “*Thể chế hóa các cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển CNQP, CNAN theo hướng lưỡng dụng, hiện đại*”, “*Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết, đầu tư nguồn lực hỗ trợ các cơ sở dân sinh phục vụ CNQP, CNAN. Cơ cấu lại các cơ sở CNQP, hình thành các cơ sở CNAN bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, hiện đại theo hướng lưỡng dụng, hiện đại*”.

- Tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Luật Quốc phòng năm 2018 quy định về CNQP, AN: “*Công nghiệp quốc phòng, an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh, là ngành đặc thù, có nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí, trang bị, vật tư, thiết bị kỹ thuật và các sản phẩm khác phục vụ quốc phòng, an ninh bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân*” và (khoản 1); “*Nhà nước có chính sách, cơ chế đặc thù, xây dựng công nghiệp*

quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; tăng cường tiềm lực, tận dụng và phát triển liên kết công nghiệp quốc phòng, an ninh và công nghiệp dân sinh; huy động tối đa thành tựu của nền công nghiệp quốc gia phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; đầu tư có trọng điểm cho vũ khí, trang bị công nghệ cao; phát huy nội lực kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế” (khoản 2).

Bên cạnh đó, có nhiều văn bản pháp luật trong các lĩnh vực cụ thể quy định liên quan đến CNQP, công nghiệp an ninh (CNAN), ĐVCN, tuy nhiên các văn bản này chưa có tính bao quát, thống nhất, toàn diện để áp dụng chung, đặt ra yêu cầu hoàn thiện tạo lập khung pháp lý đầy đủ, toàn diện cho lĩnh vực CNQP, CNAN và ĐVCN.

Từ những lý do trên, việc ban hành Luật CNQP, AN và ĐVCN là rất cần thiết, nhằm thể chế đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, hoàn thiện hành lang pháp lý đáp ứng yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ CNQP, CNAN và ĐVCN trong tình hình mới, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

1. Mục đích xây dựng Luật

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN trước mắt và lâu dài, bao gồm cả bảo đảm cơ chế, chính sách đặc thù cho những lĩnh vực đặc biệt quan trọng của CNQP, CNAN. Tập trung vào các nội dung: Nguồn vốn cho đầu tư; nghiên cứu phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ công nghệ cao, công nghệ lưỡng dụng; thu hút, gìn giữ nguồn nhân lực chất lượng cao, khuyến khích nhân tài phục vụ xây dựng và phát triển CNQP, AN; triển khai các dự án đầu tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm mũi nhọn; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN, cơ sở ĐVCN.

- Phát huy vai trò chức năng, nhiệm vụ của CNQP, CNAN và ĐVCN trong bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang nhân dân; tổ chức đổi mới, sắp xếp hệ thống cơ sở CNQP, cơ sở CNAN phù hợp đặc thù CNQP, CNAN, ĐVCN và gắn với phương thức tác chiến của Quân đội, nhiệm vụ của Công an, đáp ứng với kinh tế thị trường, hội nhập toàn cầu; bảo đảm tập trung, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về CNQP, CNAN và ĐVCN.

- Huy động các thành phần kinh tế, doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang nhân dân có tiềm lực về tài chính, khoa học công nghệ tham gia đầu tư phát triển CNQP, AN và thực hiện nhiệm vụ ĐVCN, tham gia sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang nhân dân; đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

- Thể chế đầy đủ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển CNQP, AN và ĐVCN, trong đó có giải pháp về cơ chế, chính sách đặc thù cho CNQP, AN. Tuân thủ mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu chiến lược trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân.

- Đảm bảo phù hợp, thống nhất với Hiến pháp năm 2013, Luật Quốc phòng năm 2018, Luật Công an nhân dân năm 2018 và các văn bản pháp luật liên quan.

- Bảo đảm tính kế thừa, phát triển những quy định của pháp luật hiện hành về CNQP, AN và ĐVCN đã được thực tiễn kiểm nghiệm còn phù hợp; đồng thời, bổ sung những vấn đề mới để giải quyết những nội dung về CNQP, AN và ĐVCN đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

- Bảo đảm gắn kết chặt chẽ và tận dụng tối đa năng lực của CNQP và CNAN. Không đầu tư trùng lặp, những gì CNQP làm được và đã làm thì CNAN không đầu tư và ngược lại.

- Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm của một số nước phù hợp với điều kiện và thực tiễn Việt Nam về tổ chức, hoạt động của CNQP, CNAN và ĐVCN; pháp luật và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. BỐ CỤC LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Luật CNQP, AN và ĐVCN gồm 07 chương, 86 điều, cụ thể:

Chương I. Những quy định chung gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8).

Chương II. Công nghiệp quốc phòng, an ninh, gồm 7 mục, 37 điều (từ Điều 9 đến Điều 45):

- Mục 1. Quy hoạch công nghệ quốc phòng, quy hoạch công nghệ an ninh;

- Mục 2. Quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh;
- Mục 3. Nguồn lực cho công nghiệp quốc phòng, an ninh;
- Mục 4. Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng;
- Mục 5. Tổ chức và hoạt động công nghiệp quốc phòng;
- Mục 6. Tổ chức và hoạt động công nghiệp an ninh;
- Mục 7. Tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

Chương III. Động viên công nghiệp, gồm 3 mục 15 điều (từ Điều 46 đến Điều 60):

- Mục 1. Chuẩn bị động viên công nghiệp;
- Mục 2. Thực hành động viên công nghiệp;
- Mục 3. Ngân sách bảo đảm và dự trữ vật tư cho động viên công nghiệp.

Chương IV. Chế độ, chính sách trong công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, gồm 3 mục 09 điều (từ Điều 61 đến Điều 69):

- Mục 1. Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh, cơ sở công nghiệp động viên;
- Mục 2. Chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt, cơ sở công nghiệp động viên;
- Mục 3: Chính sách đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Chương V. Hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh, gồm 07 điều (từ Điều 70 đến Điều 76);

Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, gồm 07 điều (từ Điều 77 đến Điều 83);

Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 84 đến Điều 86).

IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

1. Chương I - Những quy định chung quy định về: Phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; áp dụng Luật CNQP, AN và ĐVCN; vị trí, nhiệm vụ của CNQP, CNAN và ĐVCN; nguyên tắc xây dựng và phát triển CNQP, CNAN và

ĐVCN; chính sách của Nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN; Ban chỉ đạo Nhà nước về CNQP, AN; các hành vi bị nghiêm cấm.

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1): Quy định vị trí, nhiệm vụ, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động, nguồn lực, chế độ, chính sách; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân về CNQP, AN và ĐVCN.

1.2. Áp dụng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và pháp luật có liên quan (Điều 3)

Luật quy định các nguyên tắc trong áp dụng Luật CNQP, AN và ĐVCN, cụ thể như sau:

(1) Hoạt động CNQP, AN và ĐVCN được thực hiện theo quy định của Luật CNQP, AN và ĐVCN và quy định của pháp luật có liên quan.

(2) Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật CNQP, AN và ĐVCN với luật khác về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật CNQP, AN và ĐVCN đối với 06 nội dung sau đây:

+ Quy định về phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp; việc chuyển nguồn ngân sách mua sắm, sản xuất sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt;

+ Quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh; hình thức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu sản xuất cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh; quy định về Hội đồng thẩm định đối với dự án nhóm A; hình thức lựa chọn nhà đầu tư, lựa chọn nhà thầu đối với chương trình, dự án đầu tư, mua sắm vật tư sản xuất phục vụ CNQP, AN có nội dung được xác định bí mật nhà nước độ Tối mật trở lên; đàm phán, ký kết hợp đồng tiếp nhận chuyển giao công nghệ, liên doanh, liên kết với đối tác nước ngoài;

+ Quy định về thẩm quyền phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; quy định về dự toán kinh phí dự phòng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, chế tạo vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt;

+ Quy định về giá vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ khi áp dụng phương pháp định giá chung có nội dung đặc thù; quy định về thực hiện chỉ định nhà cung cấp và áp dụng hình thức đàm phán giá đối với việc mua sắm sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm đặc chủng phục vụ sản xuất quốc phòng, an ninh;

+ Quy định về miễn trách nhiệm dân sự khi thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ CNQP, AN; quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư;

+ Quy định về chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt.

(3) Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật CNQP, AN và ĐVCN có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về CNQP, AN và ĐVCN khác với quy định của Luật này thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật CNQP, AN và ĐVCN, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó, trừ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật.

1.3. Vị trí, nhiệm vụ của CNQP, CNAN và ĐVCN (Điều 4)

Luật quy định vị trí, nhiệm vụ của 03 lĩnh vực, cụ thể:

- CNQP là thành phần của CNQP, AN, có 07 nhóm nhiệm vụ: (1) Thực hiện sản xuất quốc phòng; (2) Bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân, cơ yếu và các lực lượng thực thi pháp luật khác; (3) Cắt trữ vật tư kỹ thuật cho CNQP, ĐVCN; (4) Đào tạo nhân lực phục vụ CNQP; (5) Hợp tác quốc tế về CNQP; (6) Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; (7) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- CNAN là thành phần của CNQP, AN, có 07 nhóm nhiệm vụ: (1) Thực hiện sản xuất an ninh; (2) Bảo đảm phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng Công an nhân dân, cơ yếu và các lực lượng thực thi pháp luật khác; (3) Cắt trữ vật tư kỹ thuật cho CNAN; (4) Đào tạo nhân lực phục vụ CNAN; (5) Hợp tác quốc tế về CNAN; (6) Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; (7) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- ĐVCN là một nhiệm vụ của động viên quốc phòng, bao gồm 08 nhóm hoạt động: (1) Khảo sát, lựa chọn, đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện ĐVCN; (2) Đánh giá khả năng bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật của cơ sở CNQP nông cốt và bảo đảm từ các nguồn khác để xác định nhu cầu ĐVCN; (3) Xây dựng kế hoạch ĐVCN; (4) Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu ĐVCN; giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu để sản xuất sản phẩm ĐVCN; (5) Hoàn chỉnh, quản lý, duy trì năng lực dây chuyền ĐVCN; (6) Sản xuất sản phẩm ĐVCN; (7) Diễn tập ĐVCN; (8) Thực hành ĐVCN.

1.4. Nguyên tắc xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN (Điều 5)

Luật quy định 07 nguyên tắc, cụ thể:

(1) Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

(2) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

(3) Tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế, trong đó nội lực là yếu tố quyết định.

(4) Phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng, phát triển CNQP, AN và ĐVCN; bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang nhân dân trong mọi tình huống.

(5) Cơ cấu tổ chức bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu quả, hoạt động đồng bộ, thống nhất, phù hợp với đặc thù lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

(6) Gắn kết chặt chẽ và phát huy tối đa năng lực của CNQP và CNAN; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh trùng lặp trong đầu tư xây dựng, phát triển CNQP, CNAN.

(7) ĐVCN được chuẩn bị và thực hiện từ thời bình; bảo đảm chủ động, kịp thời, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu khi có lệnh động viên cục bộ hoặc tổng động viên và trong tình trạng chiến tranh. ĐVCN được tiến hành trên cơ sở năng lực của doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn đóng vai trò chủ đạo.

Xây dựng mạng lưới cơ sở công nghiệp động viên rộng khắp, đa dạng về sản phẩm, gắn kết chặt chẽ với hệ thống cơ sở CNQP nòng cốt.

1.5. Chính sách của Nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN (Điều 6)

Đối với hoạt động CNQP, AN và ĐVCN, Luật quy định 07 chính sách của Nhà nước như sau:

(1) Ưu tiên bảo đảm ngân sách, có chính sách, cơ chế đặc thù cho CNQP, AN và ĐVCN;

(2) Xây dựng, phát triển cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt tinh, gọn, mạnh, hiệu quả, tiên tiến, hiện đại; gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, thiết kế, chế tạo với sản xuất, sửa chữa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh;

(3) Ưu tiên nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực CNQP, AN;

(4) Huy động tối đa nguồn lực của công nghiệp quốc gia, xây dựng và phát triển công trình hạ tầng phục vụ CNQP, AN và ĐVCN; thu hút, đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ CNQP, AN;

(5) Xây dựng và phát triển CNQP, AN theo hướng lưỡng dụng, gắn kết chặt chẽ, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia;

(6) Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động CNQP, AN và ĐVCN;

(7) Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng, phát triển CNQP, AN.

1.6. Ban chỉ đạo Nhà nước về CNQP, AN (Điều 7)

Luật quy định Ban chỉ đạo Nhà nước về CNQP, AN là tổ chức phối hợp liên ngành giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tổ chức chỉ đạo, điều hành về xây dựng, phát triển CNQP, AN và ĐVCN. Luật giao Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Ban chỉ đạo Nhà nước về CNQP, AN.

1.7. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8)

Để bảo đảm các hoạt động CNQP, AN và ĐVCN được thực hiện có kiểm soát và có trách nhiệm, Luật đã quy định 07 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động CNQP, AN và ĐVCN, cụ thể như sau:

- Làm lộ bí mật nhà nước về xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN.
- Huỷ hoại, cố ý làm hỏng, mua, bán, tặng cho, cho thuê, cầm cố, thế chấp, khai thác, sử dụng trái phép trang thiết bị và tài sản khác do Nhà nước giao cho cơ sở CNQP, cơ sở CNAN, cơ sở CNĐV.
- Mua, bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, vật tư kỹ thuật và sản phẩm ĐVCN.
- Chiếm đoạt, sử dụng, mua, bán và chuyển giao trái phép thông tin, tài liệu, sáng chế, quy trình và bí quyết công nghệ thuộc bí mật nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN.
- Cản trở, trốn tránh trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP, AN, trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi trái pháp luật trong hoạt động CNQP, AN và ĐVCN.

- Phân biệt đối xử về giới trong hoạt động CNQP, AN và ĐVCN.

2. Chương II. Công nghiệp quốc phòng, an ninh

2.1. Quy hoạch CNQP, quy hoạch CNAN (Mục 1)

Luật quy định các nội dung về quy hoạch CNQP, quy hoạch CNAN, gồm: (1) Nguyên tắc, (2) căn cứ lập quy hoạch CNQP, CNAN; (3) nội dung quy hoạch CNQP, CNAN; (4) quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch CNQP, CNAN. Theo đó, quy hoạch CNQP, quy hoạch CNAN bảo đảm đồng bộ và có quy mô hợp lý, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát triển CNQP, CNAN theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu quốc phòng, an ninh.

2.2. Quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh (Mục 2)

Trước đây, nội dung này chưa được điều chỉnh ở các văn bản Luật hoặc Nghị định (*Điều 57 Luật Đấu thầu năm 2023 và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP chỉ có quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, tuy nhiên, sản phẩm, dịch vụ công không bao gồm lĩnh vực quốc phòng, an ninh*). Do đó, cần thiết phải có các quy định về hoạt động giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh tại Luật CNQP, AN và ĐVCN để tạo cơ sở pháp lý tương xứng nhằm triển khai hiệu quả trong thực tiễn.

Với quan điểm như trên, Luật đã tập trung quy định 03 vấn đề: (1) quy định nguyên tắc trong quản lý sản xuất quốc phòng, an ninh (*Điều 13*); (2) quy định thẩm quyền trong quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh (*Điều 14*); (3) làm rõ trường hợp thực hiện giao nhiệm vụ, trường hợp đặt hàng, trường hợp đấu thầu (*Điều 15, 16, 17, 18, 19*) để tạo sự minh bạch, chặt chẽ trong quá trình thực hiện; trong đó, đối với hoạt động giao nhiệm vụ, đặt hàng là kế thừa các quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm, đối với hoạt động đấu thầu, Luật dẫn chiếu sang Luật Đấu thầu với các hình thức đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

2.3. Nguồn lực cho CNQP, AN (Mục 3)

Luật quy định về nguồn lực cho CNQP, AN gồm: (1) Nguồn lực tài chính cho CNQP, AN; (2) Quản lý nguồn lực tài chính; quỹ CNQP, AN; (3) Hoạt

động đầu tư, sản xuất phục vụ CNQP, AN; (4) Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (5) Nhân lực phục vụ CNQP, AN; (6) Dự trữ vật tư kỹ thuật CNQP, AN; (7) Đất sử dụng cho CNQP, AN, trong đó:

- Về nguồn lực tài chính cho CNQP, AN bao gồm: (1) Ngân sách nhà nước; (2) Nguồn tài chính của doanh nghiệp gồm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp theo quy định của pháp luật; (3) Nguồn từ Quỹ CNQP, AN và các quỹ hợp pháp khác chi cho CNQP, AN và (4) nguồn vốn hợp pháp khác.

Trong đó, có thể kể đến các nội dung đặc thù về quản lý nguồn lực tài chính cho CNQP, AN gồm: Thành lập và sử dụng Quỹ CNQP, AN (*khoản 3 Điều 20, Điều 22*); ưu tiên phân bổ nguồn lực trong kế hoạch tài chính (*khoản 1 Điều 21*); Nhà nước bảo đảm cấp đủ vốn điều lệ ban đầu, đầu tư bổ sung và tăng vốn điều lệ từ nguồn ngân sách nhà nước (*khoản 2 Điều 21*); trong trường hợp cấp bách, được sử dụng dự phòng ngân sách trung ương để thực hiện nhiệm vụ đầu tư, sản xuất sản phẩm CNQP, AN (*khoản 3 Điều 21*); sử dụng lợi nhuận sau thuế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt để trích lập Quỹ CNQP, AN và hỗ trợ nghiên cứu, chế tạo, sản xuất sản phẩm mới, công nghệ cao và bù đắp chi phí cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu (*khoản 4 Điều 21*); ngân sách mua sắm, sản xuất sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt nếu chưa sử dụng hết thì được phép chuyển nguồn đến khi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc kết thúc nhiệm vụ (*khoản 5 Điều 21*).

- Về hoạt động đầu tư trong CNQP, AN (Điều 23): Đây hoạt động có nhiều điểm đặc thù (*như: Phải đảm bảo bí mật nhà nước, có những dự án cần triển khai khẩn cấp để đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nhiều dự án có hàm lượng kỹ thuật - công nghệ phức tạp, phải thực hiện tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ đối tác nước ngoài,...*), việc áp dụng các quy định hiện nay gây nhiều khó khăn, vướng mắc, do đó, Luật CNQP, AN và ĐVCN đã quy định:

+ Các gói thầu thuộc chương trình, dự án đầu tư có gói thầu được xác định độ “Tối Mật” trở lên được chỉ định thầu để bảo vệ bí mật các chương trình, dự án đó (*khoản 2 Điều 23*);

+ Việc đầu tư những chương trình, dự án nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt cần phải tiến hành khẩn trương để đáp ứng kịp yêu cầu nhiệm vụ. Do đó, Luật CNQP, AN và ĐVCN yêu cầu thực hiện theo trình tự, thủ tục đầu tư công khẩn

cấp nhằm rút ngắn thời gian và phù hợp với đặc thù của các dự án nêu trên (khoản 3 Điều 23);

+ Quy định cho phép đàm phán, ký kết hợp đồng đối với dự án đầu tư tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài phục vụ CNQP, AN trong bước phê duyệt chủ trương đầu tư để có cơ sở lập thẩm định phê duyệt dự án đầu tư do theo quy định hiện nay việc triển khai các dự án này gặp nhiều khó khăn vì thông tin phụ thuộc vào đối tác nước ngoài và khó tiếp cận để phục vụ xây dựng Báo cáo tiền khả thi (khoản 4 Điều 23);

+ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với những dự án nhóm A liên quan đến vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt có tính đặc thù, theo chiến lược trang bị của lực lượng vũ trang, là những thông tin “Tối mật” và có độ phức tạp cao về kỹ thuật - công nghệ. Do đó, để hiểu rõ và đánh giá thẩm định chính xác, cần có quy định giao cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định (khoản 5 Điều 23);

+ Sửa đổi tiêu chí phân loại dự án nhóm A tại Luật Đầu tư công, theo đó dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ, thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh không phải là dự án nhóm A không phân biệt tổng mức đầu tư để đảm bảo tránh làm kéo dài thủ tục, tháo gỡ các khó khăn trong thực hiện (khoản 4 Điều 84).

2.4. Phát triển CNQP, AN lưỡng dụng (Mục 4)

Luật quy định về: (1) Phát triển công nghệ lưỡng dụng; (2) Lĩnh vực tham gia hoạt động CNQP, AN đối với cơ sở huy động; (3) Điều kiện, hình thức tham gia hoạt động CNQP, AN của cơ sở huy động; (4) Quyền và nghĩa vụ của cơ sở huy động tham gia hoạt động CNQP, AN; (5) Quyền và nghĩa vụ của cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt tham gia sản xuất sản phẩm phục vụ dân sự.

2.5. Tổ chức và hoạt động CNQP (Mục 5)

Đề thể chế Nghị quyết số 08-NQ/TW, theo đó cần “*tổ chức lại các cơ sở CNQP nòng cốt, tiến tới thành lập tổ hợp CNQP bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu quả, tiên tiến, hiện đại*”, Luật đã quy định về: (1) Hệ thống cơ sở CNQP (bao gồm 04 thành phần: Cơ sở CNQP nòng cốt, Cơ sở CNQP khác, Cơ sở huy động tham gia CNQP, Cơ sở công nghiệp động viên); (2) Tiêu chí, loại hình cơ sở CNQP nòng cốt; (3) Hoạt động của cơ sở CNQP nòng cốt; (4)

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của cơ sở CNQP khác; (5) Hoạt động của cơ sở công nghiệp động viên.

2.6. Tổ chức và hoạt động CNAN (Mục 6)

Luật quy định về: (1) Hệ thống cơ sở CNAN (bao gồm 03 thành phần: Cơ sở CNAN nông cốt, Cơ sở CNAN khác, Cơ sở huy động tham gia hoạt động CNAN); (2) Tiêu chí, loại hình cơ sở CNAN nông cốt; (3) Hoạt động của cơ sở CNAN nông cốt; (4) Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của cơ sở CNAN khác.

2.7. Tổ hợp CNQP (Mục 7)

Đây là nội dung mới nhằm thể chế hóa đầy đủ tinh thần của Nghị quyết số 08-NQ/TW, theo đó tổ hợp CNQP được quy định tại Mục 7 Chương II với 04 điều (từ Điều 42 đến Điều 45). Tổ hợp CNQP không hình thành pháp nhân, không phải là tập đoàn mà được xác định là hệ thống liên kết, hợp tác của cơ sở CNQP, tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện nhất định, lấy cơ sở CNQP nông cốt đủ điều kiện làm hạt nhân để hình thành chuỗi giá trị tạo ra sản phẩm quốc phòng theo nhóm, chuyên ngành sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật. Luật chỉ quy định theo hướng xác định khung, nguyên tắc về các nội dung: (1) Chức năng, nhiệm vụ, thành phần của Tổ hợp CNQP; (2) Hạt nhân Tổ hợp CNQP; (3) Thành phần khác của Tổ hợp CNQP; (4) Chính sách của Nhà nước đối với Tổ hợp CNQP.

3. Chương III - Động viên công nghiệp: ĐVCN đóng vai trò quan trọng trong việc huy động tiềm lực công nghiệp quốc gia để bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, nhất là khi chiến tranh xảy ra. Do vậy, cần có phương thức tiếp cận mới trong ĐVCN để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Chương III của Luật quy định về ĐVCN với 03 mục:

3.1. Mục 1: Quy định về chuẩn bị ĐVCN, gồm: (1) Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp đủ điều kiện ĐVCN; (2) Đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện ĐVCN; (3) Kế hoạch nhà nước về ĐVCN; (4) Kế hoạch ĐVCN các cấp; (5) Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu trong chuẩn bị ĐVCN; (6) Hoàn chỉnh dây chuyền ĐVCN; (7) Quản lý, duy trì năng lực dây chuyền ĐVCN; (8) Diễn tập ĐVCN; (9) Trách nhiệm của cơ sở công nghiệp động viên trong chuẩn bị ĐVCN.

3.2. Mục 2: Quy định thực hành ĐVCN: (1) Quyết định ĐVCN; (2) Tổ chức di chuyển địa điểm đối với cơ sở công nghiệp động viên; (3) Trách nhiệm của cơ sở công nghiệp động viên trong thực hành ĐVCN.

3.3. Mục 3: Quy định về ngân sách bảo đảm và dự trữ vật tư cho ĐVCN:

(1) Ngân sách bảo đảm cho ĐVCN; (2) nhiệm vụ chi cho ĐVCN; (3) Dự trữ vật tư cho ĐVCN.

Trong đó, có nhiều chính sách nổi bật như: Mở rộng đối tượng tham gia ĐVCN là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp lớn, có công nghệ hiện đại, sản xuất ổn định đóng vai trò chủ đạo; đồng thời, huy động doanh nghiệp vừa, nhỏ để sản xuất đa dạng sản phẩm đáp ứng nhu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang (*khoản 2 Điều 2, khoản 7 Điều 5*); xây dựng cơ chế, phương thức triển khai thực hiện ĐVCN là nhiệm vụ và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; đẩy mạnh quản lý tiềm lực của nền công nghiệp quốc gia để khi cần thì thực hiện ĐVCN rộng khắp và thực hiện ngay trong thời bình (*Điều 46, Điều 47*) (*như xây dựng cơ sở dữ liệu về đăng ký, quản lý doanh nghiệp, đẩy mạnh việc phân cấp cho các quân khu và địa phương*);...

4. Chương IV - Chế độ, chính sách trong công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

4.1. Về chính sách đối với cơ sở CNQP, cơ sở CNAN, cơ sở công nghiệp động viên; chế độ, chính sách đối với người lao động tại cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt, cơ sở công nghiệp động viên (Mục 1, Mục 2)

Luật quy định chính sách đối với cơ sở CNQP, cơ sở CNAN bao gồm: (1) Chính sách đối với cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt; (2) Chính sách đối với cơ sở CNQP, cơ sở CNAN khác; (3) Chính sách đối với cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt; (4) Chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt; (5) Chế độ, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt; (6) Chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

Trong đó, các chính sách cho cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt là doanh nghiệp (*khoản 1 Điều 61*): (1) Được chủ động mua sắm vật tư và chuẩn bị các yếu tố bảo đảm, tổ chức nghiên cứu, sản xuất bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm; (2) Được trích khấu hao, trích hao mòn theo chế độ đặc thù; (3) Được Nhà nước hỗ trợ mức đóng chênh lệch bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong trường hợp kết quả sản xuất, kinh doanh không bảo đảm đủ mức lương và các khoản phụ cấp.

Chế độ chính sách cho cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt không phải là doanh nghiệp (*khoản 2 Điều 61*): (1) Được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; (2) Được sử dụng kinh phí chi thường xuyên và nguồn thu hợp pháp khác để thuê chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư; (3) Được ưu tiên bố trí ngân sách để xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, chế tạo trong lĩnh vực vật liệu mới, sản phẩm công nghệ cao, phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi.

Các cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt khi nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt ngoài được hưởng các chính sách đối với cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt thông thường còn được hưởng thêm các chính sách đặc thù sau (*Điều 63*): (1) Được bù đắp từ nguồn lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp, được phân bổ 05 năm kể từ thời điểm có quyết định kết thúc đề án, chương trình, dự án và quyết toán chi phí cho các nhiệm vụ không thành công; (2) Được không áp dụng tiêu chí bảo toàn, phát triển vốn đối với phần vốn đầu tư cho các nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt; (3) Được bảo lãnh thanh toán đặc biệt; (4) Được đảm bảo nguồn tài chính theo kế hoạch giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh.

Người lao động trong cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt là doanh nghiệp (*khoản 1 Điều 65*) được hưởng chính sách đặc thù sau: (1) Được bảo đảm đủ lương theo chức vụ, chức danh, cấp hàm, ngạch, bậc và phụ cấp đặc thù trong trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không bảo đảm; (2) Được xem xét, giải quyết chính sách thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh, nếu hy sinh được xem xét công nhận là liệt sỹ; (3) Được hưởng quyền tác giả, bảo hộ quyền tác giả đối với sản phẩm từ hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước; (4) Được hỗ trợ về lương và phụ cấp đặc thù khi thực hiện nhiệm vụ ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh.

Người lao động trong cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt không phải là doanh nghiệp (*khoản 2 Điều 65*) được hưởng lương, phụ cấp đặc thù từ ngân sách nhà nước và các khoản thu nhập khác từ nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực,...

Các chế độ chính sách đặc thù cho chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư tham gia hoạt động CNQP, AN (*Điều 66*) như: (1) Được đảm

phần và hưởng lương, thưởng, lợi ích từ kết quả công việc theo thỏa thuận với cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt; (2) Được Nhà nước bảo đảm nguồn lực, điều kiện cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ; (3) Được ưu tiên bố trí nhà ở công vụ; được hỗ trợ phương tiện đi lại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; (4) Trường hợp có nguyện vọng phục vụ lâu dài thì được xem xét tuyển dụng giữ chức vụ của sĩ quan và ưu tiên phong cấp bậc quân hàm sĩ quan; (5) Được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân; (6) Trường hợp là người nước ngoài thì được xem xét rút ngắn quy trình thủ tục thẩm định cấp giấy phép lao động.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ĐVCN (*Điều 67*) như: (1) Trong thời gian trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất sản phẩm ĐVCN, người lao động được doanh nghiệp chi trả lương theo quy định và phụ cấp đặc thù theo định mức như đối với người lao động tại cơ sở CNQP nông cốt; Nhà nước có chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho lao động nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; (2) Người lao động bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết trong thời gian diễn tập và thực hành ĐVCN, được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật; (3) Người bị thương, chết khi thực hiện nhiệm vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét đề công nhận là liệt sĩ và hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật; (4) Người trực tiếp điều khiển phương tiện phục vụ di chuyển dây chuyền ĐVCN được hưởng chế độ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

4.2. Về cơ chế, chính sách đặc thù đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ CNQP, CNAN (Mục 3)

Hoạt động khoa học và công nghệ trước đây được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Công nghệ cao, Luật Đấu thầu. Trong thực tiễn, các quy định này có bất cập khi áp dụng cho nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mới vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ. Theo quy định hiện hành, để triển khai từ nghiên cứu đến sản xuất thử nghiệm sản phẩm phải trải qua nhiều bước rời rạc làm cho thời gian triển khai kéo dài, phải mất 08 đến 10 năm mới đưa sản phẩm nghiên cứu vào trang bị; kết quả đề tài áp dụng vào thực tế chưa nhiều; cơ chế mua sắm vật tư đặc chủng trong hoạt động khoa học và công nghệ theo Luật Đấu thầu khó thực hiện; thủ tục thanh toán đề tài phức tạp, mất nhiều thời gian, công sức; chưa có quy định giảm rủi ro khi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để các nhà khoa học có thể an tâm dám nghĩ, dám làm do những sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược,

phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt phải thử nghiệm rất nhiều lần, thậm chí hàng trăm lần mới có thể thành công....

Do đó, Luật CNQP, AN và ĐVCN đã có cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tạo hành lang pháp lý giải quyết những bất cập, tạo đột phá, đẩy nhanh quá trình từ nghiên cứu đến đưa sản phẩm vào trang bị; tập trung trên các mặt (*Điều 68*): (1) Cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt được tự chủ tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao như: Mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, vật tư, bán thành phẩm phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; sử dụng chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong nước và nước ngoài; lựa chọn hình thức, đối tác hợp tác; được lựa chọn áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng (2) Tổ chức, cá nhân được miễn trách nhiệm dân sự khi thực hiện nhiệm vụ được giao do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Được phân chia một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tái đầu tư nghiên cứu, chế tạo, phát triển các sản phẩm mới; (4) Cá nhân được trả thù lao theo hình thức khoán công việc được giao.

Chương trình, đề án, dự án nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ có ý nghĩa chiến lược được hưởng chính sách (*khoản 2 Điều 69*) như: (1) Được bảo đảm toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác; (2) Được ứng trước kinh phí hoặc huy động kinh phí từ nguồn hợp pháp để nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và sản xuất thử nghiệm sản phẩm theo yêu cầu tính năng chiến thuật, kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt; (3) Được áp dụng cơ chế đặc biệt để triển khai thực hiện mua tài liệu thiết kế, bí quyết công nghệ, sản phẩm mẫu, vật tư đặc chủng, thuê chuyên gia nước ngoài; (4) Được dự toán kinh phí dự phòng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung nghiên cứu, chế tạo.

5. Chương V - Hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh

Trong những năm qua, hợp tác và thương mại quốc tế trong lĩnh vực CNQP, AN luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm; được đẩy mạnh theo hướng phát triển sâu rộng cả về phạm vi và mức độ hợp tác, góp phần từng bước đưa CNQP Việt Nam hội nhập thế giới, trong đó có những nội dung mang tính đột phá, đóng góp hiệu quả vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, nâng cao tiềm lực quốc phòng và

sức mạnh của quân đội. Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung này mới chỉ ở các nghị định và thông tư. Nhằm thể chế hoá Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 26/01/2022, Luật đã quy định 01 chương về hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế trong lĩnh vực CNQP, AN với các chính sách nổi bật như sau:

- Cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt được liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của CNQP, AN (*khoản 2, 3 Điều 72*);

- Chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động CNQP, AN trong lĩnh vực công nghệ cao (*khoản 3 Điều 71*);

- Sản phẩm, dịch vụ nhập khẩu phục vụ CNQP, AN được miễn thuế nhập khẩu, miễn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng; được ưu tiên thông quan theo pháp luật về hải quan; chỉ nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phục vụ quốc phòng, an ninh mà CNQP, AN trong nước chưa sản xuất được; ưu tiên nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phục vụ CNQP, AN trực tiếp từ nhà sản xuất hoặc đối tác có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực... (*Điều 73*);

- Sản phẩm, dịch vụ CNQP, AN xuất khẩu được miễn thuế xuất khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; được ưu tiên thông quan theo quy định của pháp luật về hải quan; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định việc xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ CNQP, AN... (*Điều 74*);

- Cơ sở CNQP do Bộ Quốc phòng quản lý, cơ sở CNAN do Bộ Công an quản lý tiếp nhận chuyển giao công nghệ được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (*khoản 4 Điều 75*). Ngoài ra, Luật đã quy định cụ thể về: Nội dung hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ; các sản phẩm và công nghệ được ưu tiên hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ (*khoản 1, 2 Điều 75*);

- Giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định tham gia trưng bày sản phẩm quốc phòng, an ninh tại triển lãm quốc phòng, an ninh quốc tế; tiếp xúc, trao đổi, giới thiệu sản phẩm quốc phòng, an ninh (*khoản 4 Điều 76*).

6. Chương VI - Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

6.1. Quản lý nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN

Luật quy định nội dung quản lý nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN bao gồm: (i) Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về CNQP, AN và ĐVCN; (ii) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển CNQP; quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển CNAN; kế hoạch ĐVCN; kế hoạch bảo đảm nguồn lực cho CNQP, AN và ĐVCN; (iii) Tổ chức, sắp xếp hệ thống cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt; xây dựng mạng lưới cơ sở công nghiệp động viên; (iv) Quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh và ĐVCN; (v) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về CNQP, AN và ĐVCN; (vi) Hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về CNQP, AN; (vii) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về CNQP, AN và ĐVCN; (viii) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về CNQP, AN và ĐVCN.

6.2. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Tại Điều 78, Luật quy định Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về CNQP, ĐVCN và có các trách nhiệm: (i) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; (ii) Tổ chức, quản lý hệ thống cơ sở CNQP thuộc Bộ Quốc phòng; đăng ký, quản lý cơ sở công nghiệp động viên; (iii) Hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về CNQP, ĐVCN; (iv) Xây dựng tiêu chí và Danh mục nhóm sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (v) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng Danh mục sản phẩm vũ khí quân dụng, vật liệu nổ quân dụng do Bộ Công an đặt hàng cơ sở CNQP nghiên cứu, sản xuất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (vi) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn phòng, chống cháy nổ cho cơ sở CNQP do Bộ Quốc phòng quản lý; (vii) Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Cơ quan chuyên trách về CNQP, ĐVCN.

6.3. Trách nhiệm của Bộ Công an

Tại Điều 79, Luật quy định Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về CNAN và có các trách nhiệm: (i) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; (ii) Tổ chức, quản lý hệ thống cơ sở CNAN thuộc Bộ Công an; (iii) Hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về CNAN; (iv) Xây dựng tiêu chí và Danh mục nhóm sản

phẩm phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (v) Phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 78 của Luật này; (vi) Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Cơ quan chuyên trách về CNAN.

6.4. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ, cơ quan ngang Bộ; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Các cơ quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN; có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 80, 81, 82, 83 của Luật.

7. Chương VII - Điều khoản thi hành

7.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan (Điều 84)

Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, Luật đã quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan: (i) Bổ sung quy hoạch CNQP, quy hoạch CNAN vào Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia; (ii) Sửa đổi tiêu chí phân loại dự án nhóm A tại Luật Đầu tư công, theo đó dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ, thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh không phải là dự án nhóm A không phân biệt tổng mức đầu tư; (iii) Sửa đổi quy định về nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án, theo đó sẽ tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án trọng điểm về công nghiệp quốc phòng, an ninh...

Theo đó, tại Điều 84 của Luật đã quy định sửa đổi, bổ sung:

- Sửa đổi, bổ sung mục 24 và bổ sung mục 24a, 24b vào sau mục 24 tại Phụ lục I Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15 và Luật số 31/2024/QH15;

- Sửa đổi Điều 34 của Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2023/QH15;

- Sửa đổi khoản 1 Điều 12 của Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 18/2023/QH15;

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 và khoản 3 Điều 51 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số

64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 27/2023/QH15.

7.2. Hiệu lực thi hành (Điều 85)

Luật CNQP, AN và ĐVCN sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 và thay thế Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng số 02/2008/PL-UBTVQH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14, Pháp lệnh Động viên công nghiệp số 09/2003/PL-UBTVQH11.

7.3. Quy định chuyển tiếp (Điều 86)

Để các chương trình, dự án, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực CNQP, AN được áp dụng các quy định của Luật CNQP, AN và ĐVCN, Luật đã quy định các nội dung chuyển tiếp như sau:

- Các gói thầu thuộc chương trình, dự án đầu tư, mua sắm vật tư sản xuất CNQP, AN có nội dung được xác định bí mật nhà nước độ Tối mật trở lên theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước để triển khai nhiệm vụ CNQP, AN đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thì thực hiện phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này.

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt đang triển khai thực hiện đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành nếu chưa nghiệm thu thì được áp dụng quy định tại các điểm b, đ và g khoản 2 Điều 69 của Luật này.

V. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật

- Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (*nếu có*).

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đơn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản được giao trong Luật để hướng dẫn thi hành phù hợp với quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật đối với các cơ quan trung ương; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung cơ bản của Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc trung ương.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện Luật được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương có trách nhiệm lập dự toán, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bố trí, bảo đảm ngân sách nhà nước để thực hiện Luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ tổng hợp, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương triển khai thực hiện Luật; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Luật. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch triển khai thi hành Luật trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành và địa phương mình. Hằng năm, trước ngày 01 tháng 12 hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để tổng hợp./.